

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 15/2019/HSST
Ngày: 15-5-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Minh.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Hồng và ông Nguyễn Tiên Tịnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Hải – Cán bộ Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa: Bà Niê Đoan Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2019/TLST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST-HS, ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil đối với bị cáo:

Trần Hữu H; Tên gọi khác: Xin; sinh năm 1989; tại tỉnh: Đắc Nông; nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 10/12; con ông: Trần Hữu T, đã chết và bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1968; có vợ: Trần Thị Thu H, sinh năm 1989 và 02 con; biện pháp ngăn chặn áp dụng: Bị bắt tạm giam ngày 18/12/2018, hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ công an huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông (có mặt).

- Người bị hại:

1. Ông Chu Tiến D, sinh năm 1967; trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông (vắng mặt).

2. Bà Lê Xuân Vi T, sinh năm 1970; trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Ma Văn Đ, sinh năm 1989; trú tại: Thôn 03, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông (vắng mặt).

2. Ông Ngô Thanh H, sinh năm 1981; trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông (vắng mặt).

3. Bà Dương Thị Ánh N, sinh năm 1989; trú tại: Thôn 03, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông (có mặt).

4. Ông Phạm Trường P, sinh năm 1981; trú tại: Bôn N, xã Đ, thị xã G, tỉnh Đắc Nông (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14^h00^p ngày 04/9/2018, Trần Hữu H đến gặp anh Chu Tiến D, chị Lê Xuân Vi T để thuê lại xe ô tô Ford Ranger biển số 48C - 023.38 thời gian thuê xe là 02 ngày để sử dụng, Trần Hữu H đặt cọc 5.000.000 đồng, để lại 01 chứng minh nhân dân photo, sổ hộ khẩu photo mang tên Trần Hữu H. Sau khi thuê được xe ô tô Trần Hữu H điều khiển xe đi lên thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông thì gặp Ma Văn Đức, do trước đó Trần Hữu H có nợ tiền của Ma Văn Đức nên Ma Văn Đức đã yêu cầu Trần Hữu H trả tiền cho Ma Văn Đức, vì vậy Trần Hữu H nảy sinh ý định đem chiếc xe ô tô biển số 48C - 023.38 đi cầm lấy tiền trả nợ nên nhờ Ma Văn Đức tìm người cầm cố để lấy tiền. Ma Văn Đức điện thoại cho Phạm Trường Phi nhờ Phạm Trường Phi tìm giúp tiệm cầm đồ để cầm chiếc xe ô tô 48C - 023.38 thì được Phạm Trường Phi giới thiệu tiệm cầm đồ của chị Dương Thị Ánh N.

Khoảng 16^h30^p ngày 04/9/2018, Trần Hữu H điều khiển xe ô tô biển số 48C - 023.38 đến tiệm cầm đồ chị Dương Thị Ánh N, Trần Hữu H có nói cho chị Dương Thị Ánh N biết đây là xe không có giấy tờ gốc, tuy nhiên chị vẫn đồng ý cho Trần Hữu H cầm cố chiếc xe ô tô Ford Ranger biển số 48C - 023.38 với số tiền 120.000.000 đồng. Sau khi cầm cố Trần Hữu H trả nợ cho Ma Văn Đức 40.000.000 đồng, số tiền còn lại sử dụng tiêu xài cá nhân. Hết thời hạn thuê xe chị Lê Xuân Vi T liên lạc và yêu cầu Trần Hữu H trả xe nhưng Trần Hữu H không trả xe được nên đã tố cáo hành vi phạm tội của Trần Hữu H đến cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đắk Mil.

Tại kết luận định giá tài sản số 61/KLĐG ngày 07/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đắk Mil đã kết luận: chiếc xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger biển số 48C - 023.38 có giá trị còn lại là 443.376.222 đồng (Bốn trăm bốn mươi ba nghìn ba trăm bảy mươi sáu nghìn hai trăm hai mươi hai đồng).

Tại Bản cáo trạng số 14/CTr – VKS ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil truy tố bị cáo Trần Hữu H về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo Trần Hữu H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng và thừa nhận Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil truy tố bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự là đúng, không oan.

Kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil đã phân tích, đánh giá tính chất của vụ án, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Hữu H về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Trần Hữu H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, tuyên phạt bị cáo Trần Hữu H mức án tù 05 (năm) năm tù đến 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Về vật chứng vụ án: Chấp nhận trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ và trả lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger biển số 48C - 023.38 cho chủ sở hữu hợp pháp.

- Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận bị cáo đã bồi thường cho chị Lê Xuân Vi T số tiền 24.000.000 đồng và đồng ý trả lại cho chị Dương Thị Ánh N số tiền gốc 120.000.000 đồng và lãi suất 7.530.000 đồng theo lãi suất cơ bản cả ngân hàng từ ngày 04/9/2018 cho đến nay.

Bị cáo không bào chữa, không tranh luận mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt khi được nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng:

Cơ quan điều tra Công an huyện Đắk Mil, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi khách quan và hậu quả do hành vi khách quan của bị cáo gây ra, bị cáo khai nhận như sau:

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Hữu H đã khai nhận hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện đúng như diễn biến sự việc mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông đã truy tố, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người liên quan, những người tham gia tố tụng và các chứng cứ, tài liệu thu thập có lưu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai.

Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 14^h 00' ngày 04/9/2018, tại thôn Đức Trung, xã Đức Mạnh, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông, Trần Hữu H đã có hành vi thuê chiếc xe ô tô Ford Ranger biển số 48C - 023.38 của vợ chồng anh Chu Tiến D, chị Lê Xuân Vi T để sử dụng trong thời hạn 2 ngày. Tuy nhiên ngay sau khi nhận được xe ô tô Ford Ranger biển số 48C - 023.38 có giá trị là 443.376.222 đồng (bốn trăm bốn mươi ba triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn hai trăm hai mươi hai đồng qua hình thức hợp đồng, Trần Hữu H đã đem đi cầm cố cho chị Dương Thị Ánh N ở thôn 03, xã Nhân Cơ, huyện Đắk Rlấp, tỉnh Đắk Nông lấy số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng) và mang đi tiêu xài cá nhân đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan cảnh sát điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Xét quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở pháp lý để kết luận bị cáo Trần Hữu H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

Điều 175 của Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại Điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến 3 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;

b) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.

.....

3. Phạm tội chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng, thì bị phạt tù từ 5 năm đến 12 năm.

[3] Đánh giá tính chất vụ án:

Xét tính chất vụ án do bị cáo gây ra là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm vào quyền sở hữu đối với tài sản của người khác và làm mất trật tự an ninh tại địa phương. Bị cáo là công dân có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo biết được việc xâm phạm vào quyền sở hữu đối với tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng với ý thức coi thường pháp luật, lười lao động, để có tiền tiêu xài phục vụ cho lợi ích cá nhân của bản thân nên bị cáo đã có hành vi thuê chiếc xe ô tô Ford Ranger biển số 48C - 023.38 của vợ chồng anh Chu Tiến D, chị Lê Xuân Vi T để sử dụng trong thời hạn 2 ngày có giá trị là 443.376.222 qua hình thức hợp đồng, Trần Hữu H đã đem đi cầm cố cho chị Dương Thị Ánh N ở thôn 03, xã Nhân Cơ, huyện Đắk Rlấp, tỉnh Đắk Nông lấy số tiền 120.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân.

Do đó, để đảm bảo việc giáo dục bị cáo có ý thức chấp hành nghiêm pháp luật cũng như răn đe phòng ngừa chung trong toàn xã hội. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng mức hình phạt thật nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi và hậu quả phạm tội mà bị cáo đã gây ra để bị cáo học tập, cải tạo trở thành người công dân tốt và đảm bảo được mục đích của hình phạt theo pháp

luật. Đồng thời, đây còn là bài học cho những ai có ý định lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác để trục lợi.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã bồi thường bị hại số tiền 24.000.000 đồng; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo là phù hợp.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015 thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 triệu đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Qua xác minh bị cáo là người không có tài sản, thu nhập, không có điều kiện để thi hành hình phạt bổ sung nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng của vụ án: Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ và trả lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger biển số 48C - 023.38 cho chủ sở hữu hợp pháp, đúng quy định tại Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự nên cần chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Việc bị cáo đã bồi thường cho chị Lê Xuân Vi T và anh Lê Tiến Dũng số tiền 24.000.000 đồng và đồng ý trả lại cho chị Dương Thị Ánh N số tiền gốc 120.000.000 đồng và lãi suất 7.530.000 đồng theo lãi suất cơ bản cả ngân hàng từ ngày 04/9/2018 đến nay. Xét thấy việc bồi thường cho bị hại và đồng ý trả cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan của bị cáo số tiền trên là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[9] Trong vụ án còn có một số vấn đề sau:

Đối với chị Dương Thị Ánh N cầm cố xe không chính chủ, không có giấy tờ xe nên Công an huyện Đắk Mil đã ra quyết định xử lý hành chính.

Đối với Ma Văn Đv và Phạm Bá Phi là người giới thiệu cho Trần Hữu H chỗ cầm cố tuy nhiên không biết đây là xe ô tô do phạm tội nên không có căn cứ để xử lý.

[10] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Hữu H (X) phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Áp dụng điểm a, b khoản 3 Điều 175; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Hữu H 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 18/12/2018.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự; căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận trong quá trình điều tra Cơ

quan cảnh sát điều tra đã thu giữ và trả lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger biển số 48C - 023.38 cho chủ sở hữu hợp pháp.

4. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; 585; 586 và Điều 589 của Bộ luật dân sự:

- Chấp nhận trong quá trình điều tra, bị cáo đã bồi thường cho chị Lê Xuân Vi T và anh Lê Tiến Dũng số tiền 24.000.000đ (Hai bốn triệu đồng).

- Chấp nhận bị cáo đồng ý trả lại cho chị Dương Thị Ánh N số tiền gốc 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng) và tiền lãi là 7.530.000đ (Bảy triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng). Thời hạn thanh toán theo trình tự thi hành án dân sự. Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất phát sinh do chậm trả tiền.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Trần Hữu H phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn) án phí hình sự sơ thẩm và 6.376.500đ (Sáu triệu ba trăm bảy sáu nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (kháng cáo liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình) có quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐắkNông;
- Sở tư pháp tỉnh ĐắkNông;
- VKS ND huyện ĐắkMil;
- Đội điều tra Công an huyện ĐắkMil;
- Đội THAHS Công an huyện Đắk Mil;
- Bộ phận NVHS Công an huyện Đắk Mil;
- Chi cục THA DS huyện ĐắkMil;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Đình Minh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02);
- Chi cục THADS huyện Đắk Mil;
- Công an huyện Đắk Mil;
- Bị cáo, người bị hại;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đình Minh